|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP**  **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  Số: /TTr-BNN-LN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo**

**Phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng**

**đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 8373/VPCP-NN ngày 13/12/2022 của Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030. Theo đó, giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Đề án). Thời gian vừa qua, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành liên quan và các đơn vị, địa phương xây dựng và tổ chức lấy ý kiến, trên cơ sở đó, tiếp thu hoàn thiện Dự thảo Đề án và dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Thủ tướng Chínhphủ xem xét, phê duyệt, với nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Hệ sinh thái rừng đóng vai trò, vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng. Rừng cung cấp nguyên liệu gỗ, củi, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, dược liệu, dược phẩm và các sản phẩm, dịch vụ hữu dụng khác cho con người; cung cấp dịch vụ môi trường, như điều tiết nguồn nước, điều hoà khí hậu, hấp thụ và lưu giữ các-bon, giảm phát thải khí nhà kính; bảo vệ, duy trì vẻ đẹp cảnh quan môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn, con giống tự nhiên và các nguồn lợi thủy sản; rừng là không gian sinh tồn, nơi gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tri thức bản địa của đồng bào các dân tộc sống gắn bó với rừng; phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường,… Ngoài ra, rừng còn có vai trò quan trọng trong đời sống vật chất, tinh thần của hơn 25 triệu người dân thuộc cộng đồng 54 dân tộc ở Việt Nam.

Nhận biết được vai trò, tầm quan trọng của rừng và hệ sinh thái rừng, trong những năm qua, nhiều đơn vị, địa phương đã tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên rừng, điều kiện tự nhiên và vì vậy, đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao thu nhập, cài thiện đời sống của người làm nghề rừng, nhiều gia đình đã có thu nhập cao từ khai thác các giá trị của hệ sinh thái rừng. Tuy nhiên, việc quản lý, sử dụng rừng và hệ sinh thái rừng hiện mới đang được thực hiện một cách đơn lẻ, đơn giá trị, chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế mà các hệ sinh thái rừng cung cấp; chưa tích hợp và thác hiệu quả được đa giá trị của dịch vụ hệ sinh thái rừng,…; do đó, chưa mang lại hiệu quả, nâng cao giá trị kinh tế, tạo ra nhiều việc làm, thu nhập và cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng, trong đó có các cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống gần rừng và trong rừng; chưa tạo được nguồn lực tài chính bền vững để tái đầu tư cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

Việc khai thác, phát triển đa giá trị của hệ sinh thái rừng đang ngày được Chính phủ các nước và cộng đồng quốc tế quan tâm, được thể chế hóa trong các văn bản chính sách, pháp luật về Lâm nghiệp nhằm quản lý và khai thác bền vững tài nguyên rừng. Hiện nay, Việt Nam đã và đang triển khai nhiều chương trình, đề án như: Chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+) đến năm 2030; Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 – 2030; Đề án trồng một tỷ cây xanh; Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030,… Tuy nhiên, mỗi chương trình, đề án mới chủ yếu hướng tới phát triển đơn giá trị của rừng, chưa có sự kết nối, gắn kết để đạt được mục tiêu phát huy tổng thể các giá trị của hệ sinh thái rừng.

Nhằm phát huy các giá trị tổng hợp, mang lại hiệu quả tổng hợp về kinh tế, xã hội và môi trường đối với diện tích 14,79 triệu ha rừng (10,13 triệu ha rừng tự niên, 4,66 triệu ha rừng trồng) hiện có; đồng thời, thực hiện nhiệm vụ “Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng” theo chỉ đạo của Ban Bí thư tại Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, việc xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án “*Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm* *nhìn đến năm 2050*” là rất cần thiết.

**II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1.** Ngày 13/01/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Tổng cục Lâm nghiệp có Văn bản số 79/TCLN-ĐDPH gửi các địa phương đề nghị báo cáo tình hình phát triển các giá trị của hệ sinh thái rừng và đã tổng hợp kết quả báo cáo của 51 tỉnh, thành phố.

**2.** Ngày 20/6/2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 2472/QĐ-BNN-LN thành lập Ban soạn thảo và ban hành Kế hoạch chi tiết xây dựng Đề án. Đại diện thành viên Ban soạn thảo gồm đại diện các đơn vị thuộc Bộ và đại diện 02 Bộ: Tài nguyên và Môi trường và Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**3.** Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các đơn vị chuyên môn xây dựng dự thảo Đề án, Đề án được xây dựng trên cơ sở thu thập, tổng hợp số liệu, thông tin từ các nguồn: Nghiên cứu về phát các mô hình nông lâm ngư kết hợp; các hội thảo, hội nghị cấp vùng và quốc gia; Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng, cơ chế, chính sách về khuyến khích đầu tư, tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; và một số văn bản của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường, chính sách tín dụng, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn,…

**4.** Ngày ……. Bộ Nông nghiệp và PTNT có Văn bản số ………. gửi xin ý kiến và nhận được góp ý bằng văn bản của các Bộ:....... Các địa phương........; các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan .....Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, giải trình, bổ sung hoàn thiện dự thảo Đề án *(có báo cáo tiếp thu, giải trình kèm theo*).

**III. BỐ CỤC CỦA ĐỀ ÁN**

Bố cục của Đề án gồm 5 phần:

- Phần 1. Tính cấp thiết xây dựng Đề án.

- Phần 2. Giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng Việt Nam.

- Phần 3. Tình hình khai thác giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng.

- Phần 4. Nội dung cơ bản của Đề án.

- Phần 5. Kết luận và kiến nghị

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỀ ÁN**

**1.** **Quan điểm**

- Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia đầu tư, khai thác, quản lý sử dụng và chia sẻ lợi ích, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, chủ rừng, người dân và toàn xã hội.

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh và giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; đảm bảo phù hợp với quy luật phát triển tự nhiên về môi trường, sinh thái và xã hội; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát huy các giá trị tổng hợp của hệ sinh thái rừng trên cùng một đơn vị diện tích, từ việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh rừng trồng, thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí một cách có kiểm soát; phát triển các loại hình dịch vụ môi trường rừng, trong đó có dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon rừng; phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu; phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp dưới tán rừng.

- Khai thác giá trị của hệ sinh thái rừng gắn với tạo việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số, người dân ở khu vực có rừng và người làm nghề rừng; bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, tri thức bản địa của cộng đồng các dân tộc thiểu số, góp phần giải quyết các vấn đề về xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

**2. Căn cứ xây dựng đề án**

***a) Căn cứ pháp lý***

- Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Luật Lâm nghiệp 2017;

- Luật Trồng trọt năm 2018;

- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

- Luật Dược năm 2016;

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 65/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong nuôi trồng, khai thác dược liệu;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp;

- Căn cứ Quyết định số 523/QD-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 376/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”;

- Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo vệ rừng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030”;

- Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiểu quả giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 01/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Sâm Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045;

- Quyết định số 809/QĐ-TTg, ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 993/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất đến năm 2030.

***b)******Căn cứ khoa học và thực tiễn***

Theo số liệu theo dõi diễn biến rừng toàn quốc năm 2022, Việt Nam có 14,79 triệu ha rừng (10,13 triệu ha rừng tự nhiên, 4,66 triệu ha rừng trồng), nguồn tài nguyên phong phú với trên 1.200 loài cây cung cấp gỗ; 100 loài cho nguyên liệu giấy sợi; 500 loài cho tinh dầu, trong đó có 160 loài có giá trị cao; 260 loài cây cho dầu béo; 600 loài cho tanin; 200 loài cho nguyên liệu làm thuốc nhuộm và khoảng 5.000 loài cây dược liệu với 100 loài có giá trị cao, đây là cơ sở quan trọng để phát triển giá trị đa dụng của rừng phục vụ phát triển tinh tế, xã hội. Trong những năm qua, đã có nhiều mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp dạt hiệu quả cao, như mô hình trồng rừng gỗ lớn ở Tuyên Quang, Quảng Trị; mô hình trồng quế ở Yên Bái, Lào Cai; mô hình trồng khai thác dược liệu dưới tán rừng như ở Quảng Ninh, Cao Bằng và Lạng Sơn; mô hình phát triển du lịch sinh thái, như ở Quảng Bình; Ninh Bình, Ninh Thuận,… Đặc biệt là việc khai thác các dịch vụ môi trường rừng, từ năm 2011 đến năm 2020 đã thu được 16.746 tỷ đồng (năm 2021 đạt trên 3.100 tỷ đồng); Ngoài ra, còn nguồn hấp thụ, lưu trữ các-bon rừng.

### 3. Mục tiêu

***a) Mục tiêu chung***

Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên rừng; tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người làm nghề rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

***b) Mục tiêu cụ thể***

- Phát triển bền vững nguồn cung nguyên liệu gỗ thông qua việc tổ chức thâm canh, mở rộng diện tích trồng rừng gỗ lớn để đảm bảo chủ động cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ; góp phần nâng cao năng suất, giá trị của rừng trồng và giá trị gia tăng của ngành chế biến gỗ. Phấn đấu sản lượng gỗ nguyên liệu khai thác trong nước đáp ứng tối thiểu 80% (vào năm 2030) và 100% (vào năm 2050) nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ; 100% gỗ và sản phẩm gỗ có sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Giá trị lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được chế biến tăng gấp 1,5 lần so với năm 2020 (vào năm 2030) và tăng gấp 2,0 lần (vào năm 2050); giá trị xuất khẩu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu được sản xuất dưới tán rừng chiếm tỷ trọng từ 10-15% (vào năm 2030) và 25% (vào năm 2050) trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu lâm sản.

- Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm, ngư kết hợp hiệu quả, bền vững trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với phát huy có hiệu quả tri thức bản địa nhằm nâng cao giá trị gia tăng từ rừng, tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ, góp phần tăng giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác từ 20% trở lên ngoài giá trị gỗ rừng trồng từ năm 2030.

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng trên cơ sở cụ thể hóa, mở rộng các các loại dịch vụ môi trường rừng; đồng thời quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn từ dịch vụ môi trường rừng đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật; triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; phấn đấu đảm bảo nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng tăng trưởng ổn định, bình quân 5%/năm.

- Phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bền vững. Phát huy tiềm năng, lợi thế, khai thác giá trị của vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch; mở rộng các loại hình du lịch, quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa, lịch sử và tri thức bản địa của cộng đồng địa phương. Phấn đấu nguồn thu từ hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tăng 50% so với năm 2020 (vào năm 2030) và 100% (vào năm 2050).

- Thu hút lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có rừng đến năm 2030 chiếm trên 50%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực lâm nghiệp được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật đạt từ 40% trở lên (vào năm 2030) và 70% (vào năm 2050). Phấn đấu nâng mức thu nhập bình quân người lao động dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đến năm 2030 tăng gấp 1,5 lần và đến năm 2050 tăng gấp 2,0 lần so với mức thu nhập tại thời điểm năm 2025.

**4. Phạm vi, đối tượng**

- Đề án thực hiện trên phạm vi toàn quốc, trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

**-** Đề án áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; đối tượng hưởng lợi trực tiếp là đồng bào dân tộc thiểu số, người dân miền núi và người làm nghề rừng.

### 5. Nhiệm vụ

**5.1. Phát triển nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp cho ngành chế biến gỗ**

- Hình thành một số vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn ở các vùng trọng điểm như Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ; áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất từ khâu chọn, tạo giống, kiểm soát chất lượng nguồn giống; thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh nhằm tăng năng suất và chất lượng rừng trồng; gắn các vùng sản xuất nguyên liệu với chế biến hàng hóa tập trung đối với một số sản phẩm thế mạnh; xây dựng thương hiệu, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế và đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa.

- Từng bước tăng tỷ trọng nguồn cung nguyên liệu gỗ hợp pháp từ rừng trồng trong nước cho ngành chế biến gỗ và lâm sản; đảm bảo năng suất, chất lượng rừng trồng và được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững hoặc cấp mã số vùng trồng, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Phát triển công nghệ chế biến tinh, chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm gỗ; tận dụng phế phụ phẩm trong chế biến gỗ để sản xuất các sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu; từng bước hình thành nền kinh tế tuần hoàn trong ngành sản xuất lâm nghiệp; giảm dần sản lượng chế biến các sản phẩm thô như sản xuất dăm gỗ xuất khẩu; khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm từ gỗ từ rừng trồng trong nước.

**5.2.** **Phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu**

- Điều tra, đánh giá, phân vùng bảo tồn, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng; chú trọng nắm vững thông về các loài có giá trị kinh tế cao: vùng phân bố, loài, diện tích, trữ lượng; từ đó đề xuất kế hoạch bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững tiềm năng, thế mạnh của từng sản phẩm, từng vùng sinh thái và phát huy tri thức bản địa của cộng đồng, người dân địa phương.

- Nghiên cứu, chọn, tạo, công bố, lưu hành các giống, loài cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu, kháng sâu, bệnh hại, phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên của từng vùng sinh thái. Xây dựng, hoàn thiện các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống, canh tác các loài cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng, đáp ứng tiêu chuẩn nguyên liệu cho sản xuất.

- Hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu lâm sản ngoài gỗ, dược liệu tập trung phù hợp điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, thích hợp với yêu cầu sinh thái của mỗi loài, trong đó ưu tiên một số loài cây hiện có diện tích lớn, giá trị kinh tế cao trên đất lâm nghiệp hoặc dưới tán rừng như: vùng trồng cây Quế, Hồi, Ba Kích, Trà hoa vàng ở các tỉnh vùng Đông bắc bộ; vùng trồng Sâm Việt Nam tại các tỉnh Lai Châu, Quảng Nam, Kon Tum; vùng trồng cây Tre, luồng tại các tỉnh vùng Tây bắc Bộ và Bắc Trung bộ; vùng trồng song, mây tại Bắc và Nam trung Bộ. Cấp mã số vùng trồng cho các vùng nguyên liệu đối với diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc.

- Phát triển các cơ sở, nhà máy chế biến sâu gắn kết với các vùng nguyên liệu tập trung sản xuất theo chuỗi giá trị đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; đa dạng hóa sản phẩm; xây dựng thương hiệu gắn với nét đặc trưng về bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bảo dân tộc thiểu số.

**5.3.** **Phát triển các hình thức nông, lâm, ngư kết hợp**

- Đánh giá, tổng kết các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp như: mô hình vườn rừng, trại rừng; nuôi trồng, phát triển dược liệu, cây đa mục đích, chăn nuôi, thủy sản dưới tán rừng,... để chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, tài liệu hóa, xây dựng quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật phổ biến và nhân rộng các mô hình sản xuất kết hợp thành công, hiệu quả.

- Lựa chọn các loài cây trồng, vật nuôi có giá trị cao, đa mục đích phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu, thị hiếu của thị trường. Áp dụng các biện pháp canh tác hiệu quả và quản lý chất lượng rừng trồng, vật nuôi, thủy sản,… kết hợp dưới tán rừng, để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất; sản xuất và thương mại các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng.

- Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng bền vững, hiệu quả; phát huy trách nhiệm và khuyến khích sự tham gia quản lý rừng và chia sẻ lợi ích của cộng đồng, bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

**5.4.** **Phát triển dịch vụ môi trường rừng**

- Phát triển dịch vụ môi trường rừng, đa dạng hóa và mở rộng nguồn thu từ các loại dịch vụ môi trường rừng phù hợp với quy định của pháp luật, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon rừng và trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ rừng.

- Nghiên cứu và đề xuất thể chế hoá các quy định về áp dụng mức thu tiền dịch vụ môi trường rừng tiệm cận với giá trị thực mà rừng mang lại, phù hợp với thực tiễn phát triển của nền kinh tế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người trực tiếp tham gia quản lý bảo vệ rừng.

- Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon từ rừng đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại một số tỉnh như: Quảng Nam, Sơn La, Lào Cai; tổng kết, đánh giá và đề xuất hoàn thiện chính sách phù hợp để nhân rộng, áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

- Tăng cường quản lý, hướng dẫn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng để đầu tư cho bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng; đảm bảo chia sẻ công bằng lợi ích với cộng đồng người dân địa phương.

**5.5.** **Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí**

- Hướng dẫn các chủ rừng xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; đánh giá tác động, có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu rủi ro từ những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với công tác quản lý rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng và đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường hợp tác giữa chủ rừng với cộng đồng địa phương, khuyến khích cộng đồng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quản lý du lịch, cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch; bảo tồn, phát huy tri thức bản địa và truyền thống văn hóa, đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng đối với cộng đồng địa phương.

- Phát triển các mô hình du lịch sinh thái gắn với các loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch cộng đồng đối với đồng bào dân tộc, người dân miền núi và người dân sống gần rừng.

- Xây dựng các loài hình, sản phẩm du lịch trải nghiệm, gắn với giá trị cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng như leo núi, thám hiểm rừng, dạo chơi thiên nhiên, thể thao mạo hiểm và tạo các sản phẩm, hoạt động, thương hiệu du lịch gắn với văn hóa truyền thống địa phương, vùng địa lý.

- Phát triển chiến lược quảng bá, tiếp thị, các kênh truyền thông giới thiệu và nhận các phản hồi về các hoạt động và trải nghiệm du lịch trong rừng; sử dụng mạng xã hội và trang thông tin điện tử và tổ chức các sự kiện (hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm ảnh,...) để đưa thông tin đến du khách trong nước và quốc tế.

- Thu hút các nguồn lực trong xã hội tham gia phát triển bền vững du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các hệ sinh thái rừng; hỗ trợ tạo việc làm, nâng cao sinh kế thông qua việc sử dụng lao động địa phương.

**6. Giải pháp**

## a) Về cơ chế, chính sách

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi các hệ sinh thái rừng; dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng, suy thoái rừng, quản lý bền vững và tăng trưởng xanh.

- Bổ sung các quy định, hướng dẫn về quản lý bảo tồn, khai thác và phát triển các loại lâm sản ngoài gỗ, dược liệu trong tự nhiên theo hướng bền vững.

- Bổ sung, hoàn thiện các quy định về nuôi trồng, phát triển các loài cây trồng, vật nuôi trong môi trường rừng theo mô hình nông, lâm, ngư kết hợp.

- Bổ sung chính sách về đồng quản lý, chia sẻ lợi ích với người dân địa phương về sử dụng tri thức bản địa để phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ, dược liệu và chia sẻ lợi ích từ khai thác tài nguyên và môi trường rừng.

- Xây dựng, hoàn thiện quy định, chính sách đặc thù trong việc phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các loại rừng đảm bảo dễ thực hiện, huy động được các nguồn lực xã hội hóa, nhưng không làm thay đổi mục tiêu, chức năng chính của khu rừng.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư phát triển sản xuất lâm nghiệp gắn với với việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, ưu đãi đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới ở các vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số có nhiều rừng.

## b) Về quản lý rừng và phát triển vùng nguyên liệu

- Thực hiện quản lý rừng bền vững; khai thác, sử dụng rừng gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao giá trị kinh tế, giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng; rà soát đưa các diện tích rừng tự nhiên vào quy hoạch rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; đảm bảo quá trình xây dựng phương án quản lý và tổ chức các hoạt động quản lý bảo vệ và phát triển rừng có sự tham gia rộng rãi của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

- Rà soát, điều chỉnh phân loại rừng, lập hồ sơ quản lý rừng theo chức năng, mục đích sử dụng nhằm tối ưu hóa hiệu quả tổng hợp về kinh tế, xã hội và môi trường và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Quy hoạch, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến lâm sản và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có năng suất và chất lượng cao với sự tham gia của các thành phần kinh tế; nâng cao hiệu quả kinh tế tổng hợp trên một đơn vị diện tích; chú trọng phát triển lâm nghiệp đa mục đích (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ); nông, lâm, ngư kết hợp.

- Đa dạng hoá các hình thức tổ chức sản xuất như: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với chủ rừng trong việc trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ và dược liệu.

## c) Về khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phát huy tối đa các giá trị của hệ sinh thái rừng, trong đó tập trung ưu tiên các hoạt động nghiên cứu chọn, tạo giống có năng suất, chất lượng cao phục vụ trồng rừng; nghiên cứu hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh nhằm tăng năng suất, chất lượng rừng trồng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, chuyển hóa sang rừng trồng gỗ lớn; nghiên cứu phát triển các loài cây lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với tri thức bản địa của cộng đồng, địa phương; nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong quản lý cơ sở dữ liệu, cấp mã số vùng nuôi trồng, truy xuất, xác định nguồn gốc, chế biến và bảo quản lâm sản hợp pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về nuôi trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và bảo quản lâm sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả các mô hình rừng trồng, mô hình lâm sản ngoài gỗ, dược liệu.

- Chuyển giao công nghệ, khuyến lâm, khuyến công,... nhằm nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người làm nghề rừng, từ đó tăng năng suất lao động, nâng cao giá trị gia tăng trong các khâu trong sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản và thị trường các sản phẩm lâm sản, góp phần nâng cao giá trị, hiệu quả sản xuất của ngành lâm nghiệp.

## d) Về tổ chức sản xuất

- Tổ chức điều tra, đánh giá, tổng kết các mô hình phát triển kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp để nhân rộng các mô hình phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương; hoàn thiện các hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, canh tác nông, lâm, ngư kết hợp đa dạng, hiệu quả, bảo đảm phát thải thấp, không gây mất rừng và ô nhiễm môi trường, đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất; hướng dẫn người dân sản xuất đúng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu của thị trường.

- Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng; tổ chức giao đất, giao rừng, khoán rừng theo quy định của pháp luật lâm nghiệp, nhất là diện tích rừng đang giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

- Tổ chức đánh giá thực tiễn các mô hình hợp tác, liên kết sản xuất trong lâm nghiệp giữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng với nhà khoa học và doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và các hiệp hội ngành hàng,... nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách; hỗ trợ đầu tư, tín dụng để hướng dẫn, triển khai, hình thành chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa bền vững.

- Xây dựng và phát triển các mô hình trình diễn về trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa từ rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn; mô hình về phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên; phát triển các mô hình lâm sản ngoài gỗ, dược liệu có giá trị; các mô hình trang trại, mô hình nông, lâm, ngư kết hợp trong các hệ sinh thái rừng; các mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, kết hợp với phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương theo vùng miền nhằm phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của mỗi địa phương.

- Xây dựng một số mô hình đồng quản lý rừng, gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước bảo vệ, phát triển rừng; thay đổi tư duy, nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp từ quảng canh sang thâm canh; phát triển hài hòa giữa sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ,... để duy trì và phát triển sinh kế bền vững của người làm nghề rừng.

- Thúc đẩy liên kết vùng, các trục phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với liên kết vùng sinh thái, phát triển làng nghề, đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là đường lâm nghiệp, để khai thác tổng hợp các giá trị của hệ sinh thái rừng.

## đ) Về đào tạo, tập huấn, tuyên truyền và nâng cao năng lực

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao, áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, mã số vùng trồng. Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cho lực lượng chức năng trong kiểm tra, kiểm soát, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

- Xây dựng tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn các hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi nhằm phát triển các mô hình kinh tế nông, lâm, ngư kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu trong các hệ sinh thái rừng gắn với duy trì, phát triển tri thức, văn hóa bản địa của cộng đồng địa phương.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn, phổ biến/chuyển giao kết quả khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm về trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến lâm sản ngoài gỗ, dược liệu đảm bảo chất lượng và phát triển bền vững.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật; đào tạo, tấp huấn, tăng cường năng lực cho các bên liên quan, đặc biệt là chủ rừng, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân và các hộ nhận khoán bảo vệ rừng về quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng tài liệu, số tay hướng dẫn và tổ chức đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lĩnh vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, hướng tới nhân viên bảo vệ rừng trở thành hướng dẫn viên du lịch trong môi trường rừng.

## e) Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường khả năng tiếp cận, thúc đẩy hợp tác quốc tế để hỗ trợ hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân, hợp tác công tư cho phát triển rừng gỗ lớn, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, quản lý rừng bền vững, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tổ chức triển khai hiệu quả các thỏa thuận liên quan đến trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ rừng, từng bước đảm bảo các điều kiện để hình thành thị trường các-bon rừng, tiếp tục đàm phán với các đối tác tiềm năng để mở rộng phạm vi chi trả dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon rừng cho các địa phương thuộc các vùng sinh thái khác trên cả nước.

- Thúc đẩy thực hiện các sáng kiến, cơ chế tài chính mới như: tài chính khí hậu, tín dụng xanh; mở rộng phạm vi dịch vụ môi trường rừng, tiếp cận thị trường các-bon rừng quốc tế, nhằm huy động nguồn tài chính cho quản lý rừng bền vững, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ nâng cao thu nhập và ổn định cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc các sản phẩm nông, lâm, thủy sản không gây mất rừng và suy thoái rừng; phù hợp với các tiêu chuẩn và hệ thống chứng nhận sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

## 7. Kính phí thực hiện

- Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Đề án, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định, bao gồm: ngân sách nhà nước; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác; nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng; các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ, hoạt động được giao trong Đề án, các bộ, ngành liên quan và các địa phương xây dựng dự án, kế hoạch hằng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai thực hiện Đề án tại địa phương; ngân sách trung ương chỉ thực hiện hỗ trợ các địa phương khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

**8.** **Các chương trình, hoạt động ưu tiên**

- Bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng; phục hồi, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên.

- Bảo tồn, phát triển, khai thác, chế biến, thương mại bền vững lâm sản ngoài gỗ, dược liệu gắn với văn hóa truyền thống của cộng đồng, người dân địa phương sống gần rừng.

- Phát triển các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị trong lâm nghiệp, mô hình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp bền vững, hiệu quả.

- Phát triển thương hiệu sản phẩm; giới thiệu thông tin về chính sách, khoa học, kỹ thuật, thị trường trong nước và quốc tế của các sản phẩm gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, du lịch và các dịch vụ môi trường rừng.

- Thí điểm dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các bon rừng và kinh doanh tín chỉ các-bon từ rừng để bảo vệ, duy trì cảnh quan tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng cho kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Thu hút các nguồn lực đầu tư của các thành phần kinh tế tham gia các dự án phát triển bền vững các hệ sinh thái rừng, thuê môi trường rừng để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

**9.** **Tổ chức thực hiện**

## a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực thực hiện Đề án; chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án này; chủ động lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án với các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và các chương trình, đề án, dự án có liên quan do Bộ thực hiện.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, 5 năm và khi kết thúc giai đoạn thực hiện Đề án; kịp thời đề xuất, kiến nghị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, điều chỉnh Đề án, bổ sung các dự án, nhiệm vụ ưu tiên phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Đề xuất, tổ chức xây dựng các quy định, chính sách và hướng dẫn về chi trả dịch vụ môi trường rừng; đàm phán trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ rừng, mua bán tín chỉ các-bon rừng; phát triển hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong các loại rừng.

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và triển khai các quy định, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật nuôi trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi.

## b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương bố trí vốn đầu tư để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## c) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bố trí kinh phí chi thường xuyên (nguồn sự nghiệp kinh tế) để thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phát triển thị trường các-bon rừng.

- Hướng dẫn, quản lý sử dụng các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## d) Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương chỉ đạo, rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo ổn định, lâu dài, đúng mục đích; dành quỹ đất cho phát triển rừng;

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tiến hành rà soát những diện tích đất lâm nghiệp đã được giao bị chồng lấn, giao không đúng quy định và những diện tích đất có rừng và chưa có rừng hiện do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Xây dựng kế hoạch và thực hiện giao đất đồng bộ với giao rừng theo quy định pháp luật về đất đai và lâm nghiệp cho các chủ rừng quản lý theo quy định hiện hành. Phối hợp triển khai các dự án, thoả thuận trao đổi, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải từ rừng.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## đ) Bộ Công thương

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành liên quan và địa phương thực hiện các hoạt động: (i) Tổ chức sản xuất chuỗi liên kết giữa tổ chức, cá nhân trồng rừng với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ các sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ; (ii) Xúc tiến, phát triển mở rộng thị trường quốc tế và giải quyết các tranh chấp thương mại, các rào cản kỹ thuật trong quá trình xuất nhập khẩu đối với các sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ, dược liệu.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## e) Bộ Y tế

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, bổ sung, xây dựng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật về nuôi trồng, phát triển các loài dược liệu quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao trong môi trường rừng theo tiêu chuẩn GACP-WHO đảm bảo phát triển bền vững.

- Hỗ trợ các địa phương trong việc thu hút các tổ chức, cá nhân có tiềm lực, kinh nghiệm trong nuôi trồng, canh tác, chế biến, tiêu thụ dược liệu trong môi trường rừng; hỗ trợ các địa phương trong việc thu hút, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## g) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương xây dựng chiến lược tiếp thị để quảng bá các hoạt động du lịch sinh thái và trải nghiệm du lịch trong rừng cho du khách trong nước và quốc tế.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành, địa phương xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch có nguồn gốc từ rừng gắn với nét văn hóa cổ truyền của người dân địa phương.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

## h) Ủy ban dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương bố trí lồng ghép các nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, đề án, dự án có liên quan để thực hiện các nội dung của Đề án này.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các bộ, ngành và địa phương kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

**i)** Các bộ, ngành khác có liên quan phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

## k) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án này; trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để ban hành các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích đầu tư theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Rà soát những diện tích đất lâm nghiệp đã được giao bị chồng lấn, giao không đúng quy định và những diện tích đất có rừng và chưa có rừng hiện do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện giao đất, giao rừng đồng bộ theo quy định pháp luật về đất đai và lâm nghiệp cho các chủ rừng quản lý theo quy định hiện hành.

- Chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đối với các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân về vai trò của việc phát triển, quản lý sử dụng bền vững các giá trị của hệ sinh thái rừng; phổ biến, khuyến khích người dân, các thành phần kinh tế tại địa phương tham gia thực hiện Đề án.

- Trên cơ sở các chương trình/hoạt động ưu tiên của Đề án, tổ chức xây dựng các chương trình, dự án cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, 5 năm và tổng kết thời gian thực hiện Đề án; báo cáo kết quả về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là những nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

*(Tài liệu gửi kèm Tờ trình bao gồm: (1) Dự thảo Quyết định; (2) Báo cáo tiếp, thu giải trình ngày …/…/2023; (3) Dự thảo Đề án).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ (kính báo cáo);  - PTTg CP Trần Lưu Quang (kính báo cáo);  - Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để báo cáo);  - Văn phòng Chính phủ;  - Lưu: VT, LN. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Nguyễn Quốc Trị** |